

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

I. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Trái đất và bầu trời.
- **Thời gian làm bài:** 60 phút
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)
 - Nội dung nửa đầu học kì 2: 32,5% (3,25 điểm; Chủ đề 1: 30 tiết)
 - Nội dung nửa sau học kì 2: 67,5% (6,75 điểm; Chủ đề 2-3-4: 32 tiết)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Tổng điểm
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9			12
1. Đa dạng thế giới sống (30 tiết)		3	1	2			1		2	5	3,25
2. Lực trong đời sống (10 tiết)		3	1	1					1	4	2,0
3. Năng lượng (10 tiết)	1	3		1					1	4	2,0
4. Trái đất và bầu trời (12 tiết)		3			1				1	3	2,75
Số câu	1	12	2	4	1	0	1	0	5	16	21
Điểm số	1,0	3,0	2,0	1,0	2,0	0	1,0	0	6,0	4,0	10,0
% điểm số	40%		30%		20%		10%				10 điểm (100%)

II. BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
1. Đa dạng thế giới sống (30 tiết)						
- Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.	Nhận biết	- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.		1		C1
		- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C2
		- Nêu được một số tác hại của thực vật trong đời sống.				
		- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.				
		- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)		1		C3

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
- Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra. - Sự đa dạng của thực vật, động vật. - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên.	Thông hiểu	- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).				
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.				
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.				
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.				
		- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).		1		C4
		- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).	1		C20	
		- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.				
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.		1		C5
		- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Vận dụng	- Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.				
		- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
		- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				
		- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
		- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.				
	Vận dụng cao:	- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...	1		C21	
		- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.				
		- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).				
		- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
		- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.				
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
		- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
		Lực trong đời sống (10 tiết)				
– Lực và tác dụng của lực		- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.				
		- Nêu được đơn vị lực đo lực.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
– Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc – Ma sát – Lực cản của nước – Khối lượng và trọng lượng – Biến dạng của lò xo	Nhận biết	- Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi.				
		- Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.		1		C6
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.				
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.				
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.				
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.				
		- Kể tên được ba loại lực ma sát.				
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.				
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.				
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt.				
		- Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí).		1		C7
		- Nêu được khái niệm về khối lượng.				
		- Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.				
		- Nêu được khái niệm trọng lượng.				
		- Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.				
		- Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.		1		C8
		- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.				
		- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
	Thông hiểu	- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.				
		- Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.	1			C18
		- Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn.				
		- Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường.				
		- Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường.				
		- Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực.		1		C9
		- Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.				
		- Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.				
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.				
		- Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.				
		- Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.				
		- Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại.				
		- Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.				
3. Năng lượng (10 tiết)						
– Khái niệm về năng lượng – Một số dạng năng lượng – Sự chuyển hoá năng lượng – Năng lượng hao phí – Năng lượng tái tạo – Tiết kiệm năng lượng	Nhận biết	- Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.				
		- Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế.				
		- Kể tên được một số loại năng lượng.		1		C10
		- Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật.		1		C11
		- Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.	1			C17
		- Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi.				
		- Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế.		1		C12
	Thông hiểu	- Nêu được nhiên liệu là vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa.				
		- Phân biệt được các dạng năng lượng.				
		- Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.				
		- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.				
		- Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.		1		C13

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
		- Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế.				
	Vận dụng	- Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ.				
		- So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác.				
		- Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật.				
		- Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được.				
		- Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.				
4. Trái đất và bầu trời (12 tiết).						
– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng – Hệ Mặt Trời	Nhận biết	- Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy.				
		- Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.		1		C14
		- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.		1		C15
		- Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.		1		C16
	Thông hiểu	- Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời.				
		- Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				
		- Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.				
		- Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN
– Ngân Hà.		- Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.				
	Vận dụng	- Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng.	1			C19
		- Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mềm thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				

III. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)

Câu 1. Trong các bệnh sau, bệnh nào do nguyên sinh vật gây ra?

A. Bệnh Covid-19.

C. Bệnh viêm gan B.

B. Bệnh hắc lao.

D. Bệnh kiết lị.

Câu 2. Trong số các bệnh sau, bệnh nào do nấm gây ra?

A. Bệnh cúm ở người.

C. Bệnh hắc lao ở người.

B. Bệnh sốt rét.

D. Bệnh viêm não Nhật Bản.

Câu 3. Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

A. Cung cấp thức ăn.

C. Giữ đất, giữ nước.

B. Ngăn biến đổi khí hậu.

D. Cung cấp thức ăn, nơi ở.

Câu 4. Trong các nhóm thực vật sau, nhóm nào thuộc ngành thực vật Hạt trần?

A. Cây mít, cây nhãn, cây vải.

C. Cây thông, cây vạn tuế, cây pơ mu.

B. Cây dương xỉ, cây rau bợ, cây lông cu li .

D. Rêu tường, rêu sừng, rêu tản.

Câu 5. Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt nhóm động vật có xương sống với nhóm động vật không xương sống là gì?

A. Hình thái đa dạng.

C. Kích thước cơ thể lớn.

B. Có xương sống.

D. Sống lâu.

Câu 6. Dụng cụ dùng để đo lực là:

A. thước.

B. đồng hồ.

C. lực kế.

D. nhiệt kế.

Câu 7. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của không khí?

A. Tàu ngầm đang chuyển động dưới nước.

C. Bạt Mai đang đi bộ trên bãi biển.

B. Con cá đang bơi.

D. Mẹ em đang rửa rau.

Câu 8. Vật nào dưới đây có tính chất đàn hồi?

A. Quyển sách.

B. Sợi dây cao su.

C. Hòn bi.

D. Cái bàn.

Câu 9. Cho ba khối kim loại: đồng, sắt, nhôm đều có khối lượng là 1 kg. Khối kim loại nào có trọng lượng lớn nhất?

A. Đồng.

B. Nhôm.

C. Sắt.

D. Ba khối kim loại có trọng lượng bằng nhau.

Câu 10. Dạng năng lượng tích trữ trong cánh cung khi được kéo căng là:

A. động năng.

B. hóa năng.

C. thế năng đàn hồi.

D. quang năng.

Câu 11. Trong các dụng cụ và thiết bị điện sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành năng lượng ánh sáng?

A. Ấm điện.

B. Bàn là điện.

C. Đèn LED.

D. Máy bơm nước.

Câu 12. Trong những dạng năng lượng sau đây, dạng nào **không** phải là dạng năng lượng tái tạo?

A. Năng lượng địa nhiệt.

B. Năng lượng từ than đá.

C. Năng lượng sinh khối.

D. Năng lượng từ gió.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây là **đúng** về sự chuyển hóa năng lượng trong các dụng cụ sau?

A. Quạt điện: điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng.

B. Nồi cơm điện: điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng và quang năng.

C. Đèn LED: quang năng biến đổi thành nhiệt năng.

D. Máy bơm nước: động năng biến đổi thành điện năng và nhiệt năng.

Câu 14. Chúng ta nhìn thấy Trăng tròn khi nào?

A. Một nửa phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

B. Toàn bộ phần được chiếu sáng của Mặt Trăng hướng về Trái Đất.

C. Toàn bộ Mặt Trăng được Mặt Trời chiếu sáng.

D. Mặt Trăng ở khoảng giữa Trái Đất và Mặt Trời.

Câu 15. Sao chổi là:

A. vệ tinh.

B. hành tinh.

C. ngôi sao.

D. tiểu hành tinh.

Câu 16. Chọn câu phát biểu **đúng**?

A. Ngân Hà không chuyển động mà chỉ có hệ Mặt Trời của chúng ta chuyển động.

B. Ngân Hà chuyển động trong vũ trụ với tốc độ khoảng 600 000 m/s.

C. Muốn quan sát các thiên thể ta cần sử dụng kính lúp.

D. Kích thước của hệ Mặt Trời lớn hơn nhiều so với kích thước của Ngân Hà.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu 17 (1,0 điểm). Em hãy phát biểu định luật bảo toàn năng lượng.

Câu 18 (1,0 điểm). Lực ma sát trượt xuất hiện khi nào? Lấy ví dụ về lực ma sát trượt trong thực tế.

Câu 19 (2,0 điểm). Hình dưới đây ghi lại hình dạng Mặt Trăng quan sát được trong các ngày của tháng Âm lịch. Hãy xác định các ảnh 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 ứng với khoảng ngày nào của tháng Âm lịch.



Câu 20 (1,0 điểm). Em hãy trình bày vai trò của thực vật đối với môi trường. Cho ví dụ minh họa của từng vai trò đó.

Câu 21 (1,0 điểm). Mẹ bạn Lan mua bánh mì và trái cây nhưng để quên 5 ngày sau mới lấy ra sử dụng, nhưng thấy đã bị mốc. Mẹ Lan thắc mắc không hiểu tại sao bánh mì và trái cây bị mốc lại có màu sắc không giống nhau. Nếu em là bạn Lan, em hãy giải thích vì sao các loại thực phẩm đó bị mốc và màu sắc đám mốc ở mỗi loại thực phẩm lại có sự khác nhau?

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

A. TNKQ (4,0 ĐIỂM): Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ/A	D	C	D	C	B	C	C	B	D	C	C	B	B	B	D	B

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 17 (1,0 điểm)	- Năng lượng không tự sinh ra hoặc tự mất đi mà chỉ chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.	1,0 đ
Câu 18 (1,0 điểm)	- Lực ma sát trượt xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt của vật khác. - HS nêu được ví dụ	0,5 đ 0,5 đ
Câu 19 (2,0 điểm)	 + Hình ảnh số 1: ứng với các ngày 30 – mồng 1 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 2: ứng với các ngày mồng 3 – 4 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 3: ứng với các ngày mồng 7 – 8 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 4: ứng với các ngày mồng 11 – 12 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 5: ứng với các ngày mồng 15 – 16 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 6: ứng với các ngày mồng 19 – 20 của tháng Âm lịch. + Hình ảnh số 7: ứng với các ngày mồng 23 – 24 của tháng Âm lịch.	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ

	+ Hình ảnh số 8: ứng với các ngày mồng 27 – 28 của tháng Âm lịch.	0,25 đ
Câu 20 (1,0 điểm)	<i>Vai trò của thực vật đối với môi trường:</i> + Cân bằng khí Oxygen và carbon dioxide trong khí quyển. Nêu được ví dụ. + Giảm nhiệt độ môi trường, điều hòa không khí, giảm hiệu ứng nhà kính. Nêu được ví dụ. + Tạo tính thẩm mỹ cho ngôi nhà... Nêu được ví dụ. + Bảo vệ đất và nguồn nước, hạn chế giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của thiên tai như lũ quét, sạt lở đất. Nêu được ví dụ.	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
Câu 21 (1,0 điểm)	- Các loại thực phẩm bị mốc là do bào tử nấm trong không khí rơi vào thực phẩm, khi gặp các điều kiện thuận lợi chúng phát triển thành các đám nấm mốc. - Màu sắc các đám mốc khác nhau ở các loại thực phẩm do loại nấm và nguồn dinh dưỡng khác nhau.	0,5 đ 0,5 đ